UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

Biểu mẫu 05

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông đầu năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	**Lớp 2**	**Lớp 3**	**Lớp 4**	**Lớp 5**
I	**Điều kiện tuyển sinh**	Đúng độ tuổi, đạt chuẩn KT	Đúng độ tuổi, đạt chuẩn KT	Đúng độ tuổi, đạt chuẩn KT	Đúng độ tuổi, đạt chuẩn KT	Đúng độ tuổi, đạt chuẩn KT
II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục tuân thủ**	Theo quy định của bộ GD& ĐT Mô hình 2 buổi/ngày	Theo quy định của bộ GD& ĐT Mô hình 2 buổi/ngày	Theo quy định của bộ GD& ĐT Mô hình 2 buổi/ngày	Theo quy định của bộ GD& ĐT Mô hình 2 buổi/ngày	Theo quy định của bộ GD& ĐT Mô hình 2 buổi/ngày
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	Thường xuyên tích cực	Thường xuyên tích cực	Thường xuyên tích cực	Thường xuyên tích cực	Thường xuyên tích cực
IV	**Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học**	Đầy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia	Đầy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia	Đầy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia	Đầy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia	Đầy đủ, đảm bảo tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia
V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	Đảm bảo có chất lượng, thư viện, HĐTT, bán trú,..	Đảm bảo có chất lượng, thư viện, HĐTT, bán trú,..	Đảm bảo có chất lượng, thư viện, HĐTT, bán trú,..	Đảm bảo có chất lượng, thư viện, HĐTT, bán trú,..	Đảm bảo có chất lượng, thư viện, HĐTT, bán trú,..

VI	**Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý, phương pháp quản lý của cơ sở giáo dục**	Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học	Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học	Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học	Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học	Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học
VII	**Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	-100% đạt về kiến thức, kỹ năng và hoàn thành môn học. -SK tốt	-100% đạt về kiến thức, kỹ năng và hoàn thành môn học. -SK tốt	-100% đạt về kiến thức, kỹ năng và hoàn thành môn học. -SK tốt	-100% đạt về kiến thức, kỹ năng và hoàn thành môn học. -SK tốt	-100% đạt về kiến thức, kỹ năng và hoàn thành môn học. -SK tốt
VIII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt

Thạch Bàn, ngày 30 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN Q. LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN

Nguyễn Thị Thúy Mai

Biểu mẫu 06

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục khối 2,3,4,5 năm học 2020-2021

Đơn vị: học sinh

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	**Tổng số học sinh**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất.**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
A	**Số học sinh chia theo năng lực**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
1	***Tự phục vụ, tự quản***	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Tốt	500 70.3%	128	139	132	101
b	Đạt	211 29.7%	666	68	43	134
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
2	***Hợp tác***	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Tốt	484 68.1%	124	134	126	100
b	Đạt	227 31.9%	70	73	49	35
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
3	***Tự học và giải quyết vấn đề***	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Tốt	323 45.4%	83	99	85	56
b	Đạt	388 54.6%	111	108	90	79
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
B	**Số học sinh chia theo phẩm chất**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
1	***Chăm học, chăm làm***	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Tốt	455 64%	103	138	110	104
b	Đạt	256 36%	91	69	65	31
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
2	***Tự tin, trách nhiệm***	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**

a	Tốt	389 54.7%	105	122	106	56
b	Đạt	322 45.3%	89	85	69	79
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
3	***Trung thực, kỹ luật***	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Tốt	527 74.5%	140	159	128	100
b	Đạt	181 25.5%	54	48	47	35
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
4	***Đoàn kết, yêu thương***	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Tốt	605 85.1%	163	173	148	121
b	Đạt	106 14.9%	31	34	27	14
c	Cố gắng	0	0	0	0	0
IV	**Số học sinh chia theo Chất lượng Giáo dục**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
1	**Tiếng Việt**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	357 50.2%	98	111	85	62
b	Hoàn Thành	354 49.8%	96	96	90	73
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
2	**Toán**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	400 56.3%	116	122	95	67
b	Hoàn Thành	311 43.7%	78	85	80	68
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
3	**Đạo Đức**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	482 67.8%	129	146	121	86
b	Hoàn Thành	229 32.2%	65	61	54	49
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
4	**Tự nhiện và xã hội**	**401**	**194**	**207**	**0**	**0**

a	Hoàn Thành tốt	254 63.3%	119	135	0	0
b	Hoàn Thành	147 36.7%	75	72	0	0
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
5	**Khoa học**	**310**			**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	194 62.6%			110	184
b	Hoàn Thành	116 37.4%			62	51
c	Chưa hoàn thành	0			0%	0
6	**Lịch sử và Địa lí**	**310**			**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	182 58.7%			93	89
b	Hoàn Thành	128 41.3%			82	46
c	Chưa hoàn thành	0			0	0
7	**Tin học**	**517**		**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	228 44.1%		84	81	63
b	Hoàn Thành	289 55.9%		123	94	72
c	Chưa hoàn thành		0	0	0	0
8	**Âm nhạc**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	259 36.4%	73	75	65	48
b	Hoàn Thành	452 63.6%	121	132	110	87
c	Chưa hoàn thành	0	0%	0	0	0
9	**Mĩ thuật**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	251 35.3%	71	69	65	45
b	Hoàn Thành	460 64.7%	123	138	110	90
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
10	**Thủ công (Kỹ thuật)**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	454 63.9%	118	133	119	84
b	Hoàn Thành	257 36.1%	76	74	56	51
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
11	**Thể dục**	**711**	**194**	**207**	**175**	**135**

a	Hoàn Thành tốt	291 40.9%	75	87	72	57
b	Hoàn Thành	420 59.1%	119	120	103	78
c	Chưa hoàn thành	0	0	0	0	0
12	**Ngoại Ngữ**	**517**		**207**	**175**	**135**
a	Hoàn Thành tốt	269 52%		96	98	75
b	Hoàn Thành	248 48%		111	77	60
c	Chưa hoàn thành			0	0	0
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp *(tỷ lệ so với tổng số)*	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**	**100%**
a	*Trong đó:* *HS được khen thưởng cấp trường* *(tỷ lệ so với tổng số)*	701 98.6%	194	207	175	135
b	*HS được cấp trên khen thưởng* *(tỷ lệ so với tổng số)*	28 3.9%	4 2%	7 3.4%	1 0.57%	16 11.8%
2	Ở lại lớp *(tỷ lệ so với tổng số)*	0	0		0	0

Thạch Bàn , ngày 30 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

Nguyễn Thị Thúy Mai

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục khối 1 năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số học sinh**	**224**
II	**Số học sinh học 2 buổi/ngày (tỷ lệ so với tổng số)**	**224**
III	**Số học sinh chia theo năng lực, phẩm chất.**	**224**
A	**Số học sinh chia theo năng lực chung**	**224**
1	***Tự chủ và tự học***	**224**
a	Tốt	116 51.7%
b	Đạt	108 48.3%
c	Cố gắng	0
2	***Giao tiếp và hợp tác***	**224**
a	Tốt	134 59.8%
b	Đạt	90 40.2 %
c	Cố gắng	0
3	***Giải quyết vấn đề và sáng tạo***	**224**
a	Tốt	115 51.3%
b	Đạt	109 48.7%
c	Cố gắng	0
B	**Số học sinh chia theo năng lực đặc thù**	**224**
1	***Ngôn ngữ***	**224**
a	Tốt	130 58%
b	Đạt	94 42%
c	Cố gắng	0
2	***Tính toán***	**224**
a	Tốt	146 65.2%
b	Đạt	78 34.8 %

c	Cố gắng	0
3	***Khoa học***	**224**
	Tốt	149 66.5%
	Đạt	75 33.5%
	Cố gắng	
3	***Thẩm mĩ***	**224**
a	Tốt	107 47.8%
b	Đạt	117 52.2%
c	Cố gắng	0
4	***Thể chất***	**224**
a	Tốt	118 52.7%
b	Đạt	106 47.3%
c	Cố gắng	0
C	**Số học sinh chia theo phẩm chất**	
1	***Yêu nước***	**224**
a	Tốt	187 83.5%
b	Đạt	37 16.5 %
c	Cố gắng	0
2	***Nhân ái***	**224**
a	Tốt	189 84.4%
b	Đạt	35 15.6%
c	Cố gắng	0
3	***Chăm chỉ***	**224**
a	Tốt	144 64.2%
b	Đạt	80 35.8%
c	Cố gắng	0
3	***Trung thực***	**224**
a	Tốt	182 81.3%

b	Đạt	42 18.8%
c	Cố gắng	0
3	***Trách nhiệm***	**224**
a	Tốt	124 55.4%
b	Đạt	100 44.6%
c	Cố gắng	0
IV	**Số học sinh chia theo Chất lượng Giáo dục**	**224**
1	**Tiếng Việt**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	131 58.5%
b	Hoàn Thành	93 41.5%
c	Chưa hoàn thành	0
2	**Toán**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	146 65.2%
b	Hoàn Thành	78 34.8%
c	Chưa hoàn thành	0
3	**Đạo Đức**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	155 69.2%
b	Hoàn Thành	69 30.8%
c	Chưa hoàn thành	0
4	**Tự nhiện và xã hội**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	149 66.5%
b	Hoàn Thành	75 33.5%
c	Chưa hoàn thành	0
8	**Âm nhạc**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	110 49.1 %
b	Hoàn Thành	114 50.9%
c	Chưa hoàn thành	0

9	**Mĩ thuật**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	110 49.1%
b	Hoàn Thành	114 50.9%
c	Chưa hoàn thành	0
10	**Thể dục**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	118 52.7%
b	Hoàn Thành	106 47.3%
c	Chưa hoàn thành	0
11	**HĐTN**	**224**
a	Hoàn Thành tốt	156 69.6%
b	Hoàn Thành	68 30.4%
c	Chưa hoàn thành	0
V	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	
1	Lên lớp *(tỷ lệ so với tổng số)*	**100%**
a	*Trong đó:* *HS được khen thưởng cấp trường* *(tỷ lệ so với tổng số)*	101 45%
b	*HS được cấp trên khen thưởng* *(tỷ lệ so với tổng số)*	5 20.1%
2	Ở lại lớp *(tỷ lệ so với tổng số)*	0

Thạch Bàn , ngày 30 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

UBND QUẬN LONG BIÊN TP HÀ NỘI
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

Nguyễn Thị Thúy Mai

Biểu mẫu 07

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục tiểu học, đầu năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học/số lớp**	25/25	1.3 m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	25	1.3 m^2/học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
III	**Số điểm trường**	1	
IV	**Tổng diện tích đất** (m^2)	5334,2	5,3 m^2/học sinh
V	**Diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	1961	2 m^2/học sinh
VI	**Tổng diện tích các phòng**	2010	2,38 m^2/học sinh
1	Diện tích phòng học chính (m^2)	1300	1,4 m^2/học sinh
2	Diện tích phòng chuẩn bị (m^2)	0	m^2/học sinh
3	Diện tích thư viện (m^2)	77	1.9 m^2/học sinh
4	Diện tích phòng nghệ thuật (m^2)	52	1.3 m^2/học sinh
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m^2)	52	1.3 m^2/học sinh
6	Diện tích phòng tin học (m^2)	77	1.9 m^2/học sinh
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m^2)	26	0.7 m^2/học sinh
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m^2)	0	m^2/học sinh
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m^2)	20	0.5m^2/học sinh
10	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	288	7.2 m^2/học sinh
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu		
1.1	Khối lớp 1	30	6
1.2	Khối lớp 2	36	6
1.3	Khối lớp 3	30	6
1.4	Khối lớp 4	30	6

1.5	Khối lớp 5	24	6
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
1.1	Khối lớp 1	0	0
1.2	Khối lớp 2	0	0
1.3	Khối lớp 3	0	0
1.4	Khối lớp 4	0	0
1.5	Khối lớp 5	0	0
VIII	**Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**38**	0.95 học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị**	24	1 thiết bị/lớp
1	Ti vi	7	0, 3 thiết bị/lớp
2	Cát xét	2	0,1 thiết bị/lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa	3	0,1 thiết bị/lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	25	1 thiết bị/lớp
5	Máy tính văn phòng	6	
6	Máy tính xách tay	4	
7	Máy in	10	
8	Máy photo	2	
9	Máy điều hòa	58	2, thiết bị/ lớp
10	Cammera	52	

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	18 phòng 936 m^2	869	1,1 m^2
XIII	Khu nội trú	0	0	0

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	**100** m^2
XI	**Nhà ăn**	**0**

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	0	12	0	0, 2 m^2/học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Thạch Bàn , ngày 30 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thúy Mai

Biểu mẫu 08

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC THẠCH BÀN A

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục tiểu học, đầu năm học 2021 – 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	CĐ	Đ	K	T
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**47**			**21**	**17**	**1**	**7**		**23**	**2**		**13**	**13**	**10**
I	**Giáo viên**	**34**			**17**	**17**				**22**	**1**		**13**	**11**	**10**
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:				**4**	**2**				**5**					
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	01				1									1
3	Tin học	01			1					1					1
4	Âm nhạc	01				1				1				1	
5	Mĩ thuật	01			1					1					1
6	Thể dục	01			2					1			1	1	
II	**Cán bộ quản lý**	**02**			**02**					1	1			2	
1	Hiệu trưởng	01			1						1			1	
2	Phó hiệu trưởng	01			1					1				1	
III	**Nhân viên**	**11**			**02**	**01**	**01**	**07**							
1	Nhân viên văn thư	01			1										
2	Nhân viên kế toán	01			1										

3	Thủ quĩ	0													
4	Nhân viên y tế	0.1					1								
5	Nhân viên thư viện	01				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên công nghệ thông tin														
8	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
9	Nhân viên bảo vệ	04						4							
10	Nhân viên lao công	03						3							

Thạch Bàn , ngày 30 tháng 8 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thúy Mai